

Biểu số 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
	Tổng số		14.116.224	12.869.422	8.322.844	5.021.510	502.210	3.514.900	980.000	24.400
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố				4.383.432	1.670.940	247.000	1.423.940		
1	Thành phố Đồng Xoài					304.320	26.000	278.320		
	Trong đó:									
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					83.496		83.496		
2	Thị xã Bình Long					162.160	23.000	139.160		
	Trong đó:									
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					41.748		41.748		
3	Thị xã Phước Long					33.760	22.000	11.760		
	Trong đó:									
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					3.528		3.528		
4	Huyện Đồng Phú					162.220	26.000	136.220		
	Trong đó:									
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					40.866		40.866		
5	Huyện Bù Đăng					138.760	29.000	109.760		
	Trong đó:									
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					32.928		32.928		
6	Huyện Bù Gia Mập					115.160	25.000	90.160		
	Trong đó:									
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					27.048		27.048		
7	Thị xã Chơn Thành					397.400	25.000	372.400		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
	Trong đó:									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>					111.720		111.720		
8	Huyện Hớn Quản					164.160	25.000	139.160		
	Trong đó:									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>					41.748		41.748		
9	Huyện Lộc Ninh					94.640	28.000	66.640		
	Trong đó:									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>					19.992		19.992		
10	Huyện Bù Đốp					83.760	23.000	60.760		
	Trong đó:									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>					18.228		18.228		
11	Huyện Phú Riềng					153.360	24.000	129.360		
	Trong đó:									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>					38.808		38.808		
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	64.860	16.640	16.360			16.360	
C	Vốn thực hiện dự án		13.620.667	10.946.800	2.665.262	2.933.050	171.610	1.981.200	755.840	24.400
C1	Dự án chuyển tiếp		12.136.667	9.648.900	2.661.329	2.355.120	141.030	1.563.690	626.000	24.400
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		10.185.167	7.360.900	1.628.785	1.565.880	80.530	1.460.950	-	24.400
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000		190.460	10.530	179.930		
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	47.000		20.000		20.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
3	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	154.100	129.700	24.400				24.400
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	107.930	35.000		35.000		
5	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	50.600	35.000		35.000		
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	1622/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	200.000	160.000	84.300	75.700		75.700		
7	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	180.000	162.000	118.000	44.000		44.000		
8	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	31.000	25.000		25.000		
9	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nàm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nàm)	2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	70.000	63.000	53.000	10.000		10.000		
10	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	22.000	20.000		20.000		
11	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	15.550	20.000	20.000			
12	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800		20.000		20.000		
13	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	50.000	20.000		20.000		
14	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	30.000	10.000		10.000		
15	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	19.000	10.000		10.000		
16	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	66.000	50.000	50.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
17	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000	895	25.000		25.000		
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	39.000	12.000		12.000		
19	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	36.000	300	5.000		5.000		
20	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	54.000	33.000	21.000		21.000		
21	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	54.000	33.000	21.000		21.000		
22	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	50.000	15.000		15.000		
23	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	26.000	5.000		5.000		
24	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	1.305.000	21.769	210.000		210.000		
25	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	396.000	48.999	20.000		20.000		
26	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	405.000	51.500	30.000		30.000		
27	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chò qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	3077/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	80.000	72.000	40.000	32.000		32.000		
28	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	3240/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	100.000	90.000	30.000	35.000		35.000		
29	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	54.000	520	25.000		25.000		
30	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	2683/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	80.000	72.000	40.180	31.820		31.820		
31	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	18.000	10.000		10.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
32	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ô (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	50.000	40.000		40.000		
33	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500	21.532	10.000		10.000		
34	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	12.000	15.000		15.000		
35	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500	15.000	20.000		20.000		
36	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	6.000	15.000		15.000		
37	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	11.000	15.000		15.000		
38	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	15.000	15.000		15.000		
39	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	10.000	20.000		20.000		
40	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	12.000	16.500		16.500		
41	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	10.000	15.000		15.000		
42	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	1985/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	80.000	72.000	64.000	8.000		8.000		
43	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	30.660	30.000		30.000		
44	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	4.000	12.000		12.000		
45	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	1.700	13.000		13.000		
46	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	3.000	21.000		21.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
47	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	10.352	40.000		40.000		
48	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	1431/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	65.000	58.500	45.286	13.000		13.000		
49	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	8.528	25.000		25.000		
50	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	8.000	20.000		20.000		
51	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	8.000	25.000		25.000		
52	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	60.000	50.000		50.000		
53	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	12.484	20.000		20.000		
II	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		460.000	414.000	185.060	123.740	31.000	92.740		-
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000	56.300	31.000	31.000			
2	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	25.500	5.000		5.000		
3	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	36.000	9.000		9.000		
4	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	15.000	14.000		14.000		
5	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	9.000	13.000		13.000		
6	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	9.000	13.000		13.000		
7	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	1195/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	60.000	54.000	25.260	28.740		28.740		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
8	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	9.000	10.000		10.000		
III	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		20.000	18.000	5.000	8.000	8.000	-	-	-
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	5.000	8.000	8.000			
IV	Giáo dục và Đào tạo		841.500	1.289.000	654.520	390.000	-	-	390.000	-
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	110.000	90.000	3.000			3.000	
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	1643a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	71.500	51.500	45.500	4.000			4.000	
3	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	2077/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	85.000	77.000	50.000	25.000			25.000	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	1125/QĐ-UBND ngày 4/5/2021	15.000	13.500	7.500	6.000			6.000	
5	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	1149/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	15.000	13.500	8.500	5.000			5.000	
6	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	2146/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	50.000	45.000	25.000	20.000			20.000	
7	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	21.320	100.000			100.000	
8	Hỗ trợ các huyện xây dựng 200 phòng học			434.000	294.000	140.000		-	-	140.000
8.1	Hỗ trợ huyện Bù Đăng 50 phòng học			140.000	105.000	35.000				35.000
8.2	Hỗ trợ huyện Bù Gia Mập 30 phòng học			63.000	42.000	21.000				21.000
8.3	Hỗ trợ huyện Lộc Ninh 30 phòng học			56.000	35.000	21.000				21.000
8.4	Hỗ trợ huyện Phú Riềng 10 phòng học			56.000	49.000	7.000				7.000
8.5	Hỗ trợ huyện Đồng Phú 10 phòng học			28.000	21.000	7.000				7.000
8.6	Hỗ trợ huyện Chơn Thành 40 phòng học			28.000	-	28.000				28.000
8.7	Hỗ trợ thị xã Bình Long 20 phòng học			35.000	21.000	14.000				14.000
8.8	Hỗ trợ thị xã Phước Long 10 phòng học			28.000	21.000	7.000				7.000
9	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	2458/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2808/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	25.000	22.500	12.400	8.000			8.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
10	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000	10.000	10.000			10.000	
11	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000	1.000	5.000			5.000	
12	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	1995/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	20.000	18.000	6.300	9.000			9.000	
13	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000	10.000	10.000			10.000	
14	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000	10.000	10.000			10.000	
15	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	63.000	35.000			35.000	
V	Y tế		250.000	225.000	41.100	99.000	-	-	99.000	-
1	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	2213/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000	20.220	24.500			24.500	
2	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	2207/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000	20.220	24.500			24.500	
3	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	135.000	660	50.000			50.000	
VI	Văn hóa xã hội		250.000	225.000	91.600	106.500	-	10.000	96.500	-
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000	30.572	50.000			50.000	
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	35.028	46.500			46.500	
3	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2124/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	40.000	36.000	26.000	10.000		10.000		
VII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		60.000	54.000	30.264	24.000	-	-	24.000	-
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	60.000	54.000	30.264	24.000			24.000	
VIII	Quốc phòng - An ninh		70.000	63.000	25.000	38.000	21.500	-	16.500	-
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	152/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	35.000	31.500	15.000	16.500			16.500	
2	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công An tỉnh	3004/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	35.000	31.500	10.000	21.500	21.500			
C2	Dự án khởi công mới		1.484.000	1.297.900	3.933	577.930	30.580	417.510	129.840	-

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		938.000	806.500	1.628	421.580	30.580	391.000	-	-
1	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	1371/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	150.000	135.000	660	134.000		134.000		
2	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà	2106/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	220.000	198.000	968	195.000		195.000		
3	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	3157/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	120.000	108.000	-	20.000		20.000		
4	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riềng Đỏ từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200		12.000		12.000		
5	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	60.000	54.000	-	10.000		10.000		
6	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	81.000	-	10.000		10.000		
7	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	988/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	30.000	27.000		5.000	5.000			
8	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	100.000	90.000		10.000		10.000		
9	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	-	25.580	25.580			
II	Giáo dục và Đào tạo		20.000	18.000		10.000	-	-	10.000	-
1	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1536/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	20.000	18.000		10.000			10.000	
III	Văn hóa xã hội		80.000	72.000	352	56.350	-	26.510	29.840	-
1	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	72.000	352	56.350		26.510	29.840	
IV	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		446.000	401.400	1.953	90.000	-	-	90.000	-
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	446.000	401.400	1.953	90.000			90.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
							Chi XDCCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
D	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đối ứng NSTW)			1.295.000	936.000	200.000			200.000	
E	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Đối ứng NSTW)			250.000	144.000	30.000	30.000			
F	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đối ứng NSTW)			80.000	16.000	20.000	20.000			
G	Vốn chuẩn bị đầu tư			78.387	41.060	4.600	4.600			
H	Tất toán công trình đã quyết toán			154.375	120.450	7.800			7.800	

Chủ đầu tư
Sở Tài chính
-
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh

Chủ đầu tư
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
UBND huyện Đồng Phú
UBND huyện Đồng Phú
UBND huyện Đồng Phú
UBND huyện Hớn Quản
UBND huyện Hớn Quản
UBND huyện Hớn Quản
UBND TP Đồng Xoài

Chủ đầu tư
UBND thị xã Chơn Thành
UBND huyện Bù Đăng
UBND huyện Bù Đăng
UBND huyện Bù Đăng
UBND huyện Bù Đăng
UBND huyện Bù Gia Mập
UBND huyện Phú Riêng
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
UBND thị xã Chơn Thành
UBND thị xã Chơn Thành
UBND thị xã Chơn Thành
UBND huyện Bù Gia Mập

Chủ đầu tư
UBND huyện Bù Gia Mập
UBND huyện Bù Gia Mập
UBND huyện Bù Đốp
UBND huyện Bù Đốp
UBND huyện Bù Đốp
UBND huyện Bù Đốp
UBND TX Phước long
UBND TX Phước long
UBND TX Phước long
UBND TX Phước long
UBND TX Phước long
UBND TX Phước long
UBND TX Bình Long
UBND huyện Lộc Ninh
UBND huyện Lộc Ninh
UBND huyện Lộc Ninh

Chủ đầu tư
UBND huyện Hớn Quản
UBND huyện Bù Đặng
UBND huyện Lộc Ninh
UBND huyện Bù Đốp
UBND huyện Bù Đốp
UBND TX Bình Long
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Sở Y tế
Đài PTTH và Báo Bình Phước
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
UBND huyện Bù Gia Mập
Sở Thông tin và Truyền thông
Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
Công an tỉnh

Chủ đầu tư
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
UBND thị xã Chơn Thành
UBND huyện Đồng Phú
UBND huyện Lộc Ninh
UBND huyện Bù Gia Mập
UBND huyện Bù Đặng
UBND huyện Hớn Quản
UBND TX Bình Long
UBND huyện Bù Đặng
Ban QLDA ĐTXD tỉnh
Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ đầu tư
Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
Giao Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở LĐT BXH và Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn
Giao Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
Phụ lục 1.2
Phụ lục 1.3